

Bản án số: **128/2018/HS-PT**

Ngày: 12 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Ông **Bùi Xuân Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Quyết Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **87/2018/HS-PT** ngày 30 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Hữu N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số **03/2018/HS-ST** ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Hữu N**; sinh năm 1987, tại huyện L, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định) và bà Ngô Thị L1 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Kiều L2, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Xuân B** – Luật sư của Trung tâm tư vấn pháp luật Hội Luật gia tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đề có đất trồng thom, đầu năm 2015 vợ chồng ông Đặng Ngh và bà Trần Thị H1 vào khu vực khoảnh 3, tiểu khu 194 thuộc xã S, huyện L phát ranh chiếm giữ đất rừng để sau này chặt phá lấy đất trồng thom. Đầu năm 2016, khi đi lấy nấm thì Nguyễn Hữu N thấy bà H1 chặt phá cây rừng lấy đất nên N nói bà H1 nhường lại cho N một mảnh đất rừng trong diện tích bà H1 đã phát ranh để N chặt phá lấy đất trồng thom thì bà H1 đồng ý và N có đưa cho bà H1 số tiền 13.500.000 đồng. Lúc này, N phát dọn ranh giới phần đất của mình rồi sau đó quay về. Đến khoảng tháng 5 năm 2016, N kêu người làm công (không xác định được nhân thân, lai lịch) dùng cưa máy, N dùng rựa chặt phá cây rừng trong thời gian khoảng 05 ngày. Cũng trong khoảng thời gian này, biết bà Ngô Thị Th (là dì ruột của N) không có đất canh tác nên N nhường lại một mảnh rừng trong diện tích mình đã phát ranh cho bà Th tự chặt phá và kêu công giúp bà Th trong thời gian 03 ngày. Sau khi chặt phá, N và bà Th quay về chờ cây khô để đốt.

Ngày 23 tháng 6 năm 2016, qua công tác nắm tình hình, Tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã S kết hợp với cán bộ kiểm lâm phụ trách địa bàn tiến hành kiểm tra và phát hiện diện tích rừng tại khoảnh 3, tiểu khu 194 bị chặt phá. Tại thời điểm kiểm tra, diện tích rừng bị chặt phá thiệt hại sơ bộ ban đầu là 5.800m² loại rừng tự nhiên, rừng nghèo, kiểu trạng thái IIB, chức năng là rừng phòng hộ. Xét thấy vụ việc nghiêm trọng, Ủy ban nhân dân xã S đã báo cáo vụ việc đến Ủy ban nhân dân huyện L. Sau thời điểm kiểm tra, khu vực rừng giáp ranh với diện tích rừng của Nguyễn Hữu N, Trần Thị H1 và Ngô Thị Th cũng bị chặt phá nhưng chưa xác định được đối tượng.

Khoảng cuối tháng 8 năm 2016, Nguyễn Hữu N và Ngô Thị Th nghe tin mảnh đất rừng của mình đã bị đốt cháy nên vào dọn dẹp cây rồi mang thom giống vào trồng trên diện tích đã được phát dọn trước đó.

Ngày 11 tháng 4 năm 2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L phối hợp với các ngành chức năng tiến hành kiểm tra, đo đạc lại diện tích rừng và xác định thiệt hại về số cây gỗ bị chặt phá tại khu vực khoảnh 3, tiểu khu 194 dưới sự chứng kiến của các đối tượng. Qua đo đạc, diện tích rừng bị chặt phá là 15.906m², số cây gỗ bị thiệt hại là 264 cây quy đổi bằng 42,670m³ gỗ tròn. Trong đó, đã xác định được Nguyễn Hữu N chặt phá với diện tích 4.495 m², thiệt hại cây gỗ 62 cây quy đổi bằng 12,821m³ gỗ tròn. Ngô Thị Th chặt phá diện tích 2.699m², thiệt hại cây gỗ là 46 cây quy đổi bằng 14,897m³ gỗ tròn. Trần Thị H1 chặt phá với diện tích 2.002m², số lượng cây gỗ bị thiệt hại là 54 cây quy đổi bằng 6,984m³ gỗ tròn. Diện tích còn lại 6.710m², số cây gỗ bị thiệt hại 102 cây quy đổi bằng 7,968m³ gỗ tròn hiện chưa xác định được đối tượng chặt phá.

Căn cứ Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011- 2020 cho thấy: Diện tích đất rừng tại khoảnh 3, tiểu khu 194 thuộc địa bàn xã S, huyện L được quy định là rừng tự nhiên, có chức năng phòng hộ.

Ngày 19 tháng 5 năm 2017, cơ quan CSĐT Công an huyện L ra quyết định trưng cầu định giá đối với thiệt hại về môi trường, thiệt hại về cây gỗ do hành vi phá rừng của các đối tượng gây ra. Ngày 05 tháng 7 năm 2017, Hội đồng định giá trong

Tổ tụng hình sự huyện L ban hành kết luận số 30 như sau: Thiệt hại diện tích rừng 4.495 m² do bị cáo Nguyễn Hữu N chặt phá: Giá trị thiệt hại 12,821m³ gỗ tròn là 26.867.500 đồng, giá trị thiệt hại về môi trường là 107.470.000 đồng. Tổng cộng giá trị thiệt hại là 134.337.500 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số **03/2018/HS-ST** ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hữu N** phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu N** **12** (Mười hai) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/02/2018, bị cáo Nguyễn Hữu N kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hành vi chặt phá rừng phòng hộ do Nhà nước đang quản lý với diện tích 4.495m², gây thiệt hại về gỗ và môi trường tổng cộng 134.337.500 đồng nên bị cáo Nguyễn Hữu N bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt 12 tháng tù về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình; mẹ ruột của bị cáo được tặng danh hiệu Dũng sĩ quân giải phóng miền Nam. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp và không nặng, đáp ứng được yêu cầu giáo dục riêng và phòng ngừa chung; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo với luận cứ: Thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo đã cố gắng bồi thường thêm số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả; bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; động cơ và mục đích phạm tội là do không có đất rừng sản xuất; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu N có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 5 năm 2016, bị cáo Nguyễn Hữu N dùng rựa và thuê người làm công, dùng cưa máy vào khu vực rừng tại khoảnh 3, tiểu khu 194 thuộc xã S chặt phá 4.495m² rừng tự nhiên có chức năng phòng hộ, do Nhà nước đang quản lý, gây thiệt hại về cây gỗ và môi trường tổng cộng là 134.337.500 đồng. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số 03/2018/HS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Nam kết án bị cáo Nguyễn Hữu N về tội “Hủy hoại rừng” với tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Hủy hoại rừng phòng hộ” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; đồng thời áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015 để làm căn cứ xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 01 năm tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu chứng minh hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi vợ không có việc làm và 02 con nhỏ; mẹ ruột của bị cáo được tặng danh hiệu Dũng sĩ quân giải phóng miền Nam; bị cáo tiếp tục nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp và không nặng, đáp ứng được yêu cầu giáo dục riêng, phòng ngừa chung đối với tội phạm trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và luận cứ của người bào chữa; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Hữu N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Hữu N**, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 189; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hữu N 01** (Một) năm tù, về tội “Hủy hoại rừng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2/ Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu N bồi thường thiệt hại về tài sản cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Quảng Nam số tiền 131.337.500 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã khắc phục nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Nam (theo biên lai thu số 003824 ngày 21/5/2018); bị cáo còn tiếp tục bồi thường số tiền **121.337.500 đ** (Một trăm hai mươi một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

3/ Bị cáo Nguyễn Hữu N phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5/ Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 12/6/2018.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thế Cẩm

